

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 3 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Văn Điềm

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà- Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Triệu Văn H1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh H1i. chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Hkết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 26/3/2013 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống tại gia đình bố, mẹ anh H1 ở Khu Phố S, thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

trong quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ ở nhờ từ đầu năm 2020 đến nay và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Triệu Văn H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có hai con chung là Triệu Mỹ U, sinh ngày 13/3/2012 và Triệu Mỹ M, sinh ngày 20/8/2013. Hiện nay cháu U đang ở cùng chị, cháu M đang ở cùng anh H1 và ông bà nội. Để không làm ảnh hưởng đến các con, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng Triệu Mỹ U; anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng Triệu Mỹ M không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Triệu Văn H1 để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh H1 không có mặt. Toà án đã tiến hành xác minh và ông Triệu Văn K đã có giấy báo cáo gửi cho Toà án: Anh H1 hiện nay đi làm ăn xa ở các tỉnh phía Nam nên không thể về tham gia giải quyết việc ly hôn với chị H được. Anh H1 đã được gia đình thông báo về nội dung chị H khởi kiện ly hôn, anh đề nghị Toà án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị H theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh đồng ý với ý kiến của chị H. Anh đề nghị Toà án giao cháu Triệu Mỹ U cho chị H; giao cháu Triệu Mỹ M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh H1 không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên hoà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn yêu cầu chị H, xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Triệu Văn H1. Về con: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Triệu Mỹ U, sinh ngày 13/3/2012; giao cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Triệu Mỹ M, sinh ngày 20/8/2013 đến khi các con thành niên. Các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Triệu Văn H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu phố S, thị trấn N1, huyện N1, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Lê Thị H đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Triệu Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 và Điều 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 có đăng ký kết hôn ngày 26/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Thanh Hoá là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá thực trạng về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi xảy ra mâu thuẫn anh, chị không tìm ra biện pháp khắc phục mà đã không quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Về phía anh H1 biết việc chị H làm đơn xin ly hôn và Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án, Tòa án đã phối hợp với bố đẻ của anh H1 tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc, không giao nộp văn bản nêu ý kiến, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không đến tham gia phiên tòa. Điều này thể hiện anh H1 không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và có ý bỏ mặc. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 có hai chung là Triệu Mỹ U, sinh ngày 13/3/2012 và Triệu Mỹ M, sinh ngày 20/8/2013. Xét đề nghị xin được nuôi con của chị H phù hợp với ý kiến của cháu Mỹ U và cháu Mỹ M, anh H1 thống nhất với ý kiến của chị H, nên chấp nhận đề nghị của chị H và anh H1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên về phần tài sản Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị H được ly hôn anh Triệu Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Mỹ U, sinh ngày 13/3/2012. Giao cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Mỹ M, sinh ngày 20/8/2013, đến khi con chung thành niên. Các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000355 ngày 16/11/2022. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị H, anh H1. Chị H, anh H1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Tình

